

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 02/2020/QĐST-VDS

Chơn Thành, ngày 05 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v: Hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Vũ Đình Kiên

Thư ký phiên họp: Bà Hồ Thị Thanh Phương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu – Kiểm sát viên.

Vào ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 296/2020/TLST-HN&GD ngày 01/10/2020 về việc “*Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự hôn nhân và gia đình số: 15/2020/QĐST-VDS ngày 19 tháng 10 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Phạm Đức H, sinh năm: 1972; Bà Trần Thị H1, sinh năm: 1978. Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp H2, xã T, huyện C, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Phạm Đức H và bà Trần Thị H1 thống nhất trình bày:

Vợ chồng bà H1 và ông H tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau. Do bà H1 không đủ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật nên khi đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C1, huyện C vào ngày 29/9/1993 thì bà H1 khai không đúng tuổi thật sinh ngày 02 năm 12 năm 1978 của mình mà sinh năm 1973. Sau khi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Chơn Thành, vợ chồng bà H1, ông H tổ chức hôn lễ theo đúng phong tục địa phương và chung sống hạnh phúc từ đó cho đến nay.

Do khai không đúng tuổi thật của mình nên trong giấy chứng nhận kết hôn tuổi của bà H1 thể hiện khác so với giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và việc đăng ký kết hôn của bà H1 khi chưa đủ tuổi kết hôn là trái quy định pháp luật nên bà H1, ông H cùng làm đơn đề nghị: Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa hai vợ chồng ông H, bà H1 tại UBND Thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành ngày 29/9/1993.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà H1, ông H có 03 con chung là các cháu

Phạm Thị Hồng N – sinh năm 1994; cháu Phạm Đức H3 – Sinh năm 1997; cháu Phạm Thị Hoàng A – sinh năm 2001. Việc đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật để làm thủ tục kết hôn lại và các con đã đủ tuổi trưởng thành nên ông H, bà H1 không đề nghị Tòa giải quyết về con chung.

Về tài sản và nợ chung: Ông H, bà H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông H, bà H1 không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên họp, bà H1, ông H giữ nguyên yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và cùng đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân khi đủ điều kiện kết hôn. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu tại phiên họp:

Về thủ tục tố tụng: Trình tự, thủ tục từ khi thụ lý việc dân sự đến phiên họp giải quyết việc dân sự: Về quan hệ pháp luật, quá trình thu thập chứng cứ, về thời gian, thời hạn tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, sự trình bày của người yêu cầu tại phiên họp đã bảo đảm quy định pháp luật, đề nghị Tòa án:

Chấp nhận đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của ông Phạm Đức H, bà Trần Thị H1. Hủy giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/9/1993 của UBND xã Chơn Thành, huyện Bình Long, tỉnh Sông Bé đã cấp cho ông Phạm Đức H, bà Trần Thị H1.

Công nhận quan hệ hôn nhân của ông Phạm Đức H, sinh ngày 21/02/1972; Bà Trần Thị H1 sinh ngày 02/12/1978. Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp H2, xã T, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước kể từ thời điểm bà Trần Thị H1 đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 03/12/1995.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Phạm Đức H và bà Trần Thị H1 cùng cư trú tại tổ 3, ấp H2, xã T, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Ông H, bà H1 đăng ký kết hôn tại UBND xã Chơn Thành, huyện Bình Long, tỉnh Sông Bé (nay là UBND thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước). Căn cứ vào khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu của ông H và bà H1 về việc dân sự - hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên họp, ông Phạm Đức H và bà Trần Thị H1 cùng yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân được Tòa chấp nhận là phù hợp với Điều 244, Điều 361 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ như sổ hộ khẩu, giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân đều thể hiện ông Phạm Đức H, sinh ngày 21/02/1972; Bà Trần Thị H1, sinh ngày 02/12/1978. Thời điểm đăng ký kết hôn ngày 29/9/1993, bà H1 chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do vậy, khi đi đăng ký kết hôn bà

H1 khai sinh năm 1973 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Vì không kiểm tra kỹ hồ sơ dẫn đến UBND thị trấn Chơn Thành đã đăng ký kết hôn cho ông Phạm Đức H, bà Trần Thị H1 và cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 34 quyển 01 ngày 29/9/1993 ghi họ tên chồng là ông Phạm Đức H, sinh năm: 1972, họ tên vợ là bà Trần Thị H1, sinh năm: 1973.

Theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, tại Điều 5 có quy định “*Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên*”. Như vậy có căn cứ xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 29/9/1993 bà H1 chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn; Việc UBND thị trấn Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã đăng ký kết hôn và cấp giấy đăng ký kết hôn cho ông H và bà H1 là đã vi phạm vào Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, trái với quy định của pháp luật.

Mặt khác, nội dung Công văn số 389 ngày 22/9/2020 của UBND thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước thừa nhận có sai sót trong quá trình đăng ký kết hôn cho ông H, bà H1 và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông Phạm Đức H, bà Trần Thị H1 ngày 29/9/1993.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu của ông H, bà H1 đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ theo Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Tại phiên họp xét đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, ông H và bà H1 đều xác định đã có đủ điều kiện kết hôn, vợ chồng chung sống H1 thuận, hạnh phúc và có với nhau 03 con chung, tài sản chung nhưng vì họ tên, ngày tháng năm sinh của bà H1 không trùng khớp nhau trong các giấy tờ nhân thân nên đã ảnh hưởng đến việc giao dịch dân sự trong cuộc sống của ông H và bà H1. Ông H, bà H1 thống nhất đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân cho ông, bà kể từ thời điểm bà H1 đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Yêu cầu ông H, bà H1 về việc công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần công nhận quan hệ hôn nhân của ông Phạm Đức H, bà Trần Thị H1 từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 03/12/1995.

[4]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Đức H, bà Trần Thị H1 đều không yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về lệ phí, quyền kháng cáo: Ông Phạm Đức H, bà Trần Thị H1 không phải nộp tiền lệ phí yêu cầu Hủy kết hôn trái pháp luật. Ông Phạm Đức H, bà Trần Thị H1 phải nộp tiền lệ phí Hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Người yêu cầu được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 1986); khoản 6 Điều 3,

Điều 8, Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014);

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149, Điều 244, Điều 361, Điều 362, Điều 366, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao và Bộ Tư pháp

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của ông Phạm Đức H, bà Trần Thị H1. Hủy giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/9/1993 của UBND xã C, huyện B, tỉnh Sông Bé (nay là UBND thị trấn C1, huyện C, tỉnh Bình Phước) đã cấp cho ông Phạm Đức H, bà Trần Thị H1.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Đức H, bà Trần Thị H1: Công nhận quan hệ hôn nhân của ông Phạm Đức H, sinh ngày 21/02/1972 và bà Trần Thị H1 sinh ngày 02/12/1978. Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp H2, xã T, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước kể từ thời điểm bà Trần Thị H1 đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 03/12/1995.

Ông Phạm Đức H, bà Trần Thị H1 có quyền, trách nhiệm đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Phạm Đức H, bà Trần Thị H1 phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự hôn nhân và gia đình là 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0004496 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành. Ông Phạm Đức H, bà Trần Thị H1 không phải nộp thêm.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn pháp luật quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh BP;
- VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- UBND TT. Chơn Thành;
- đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Vũ Đình Kiên

